

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**PHÂN TÍCH HIỆN TƯỢNG ẢO TƯỢNG
NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ SỬ DỤNG VÀ HIỆU QUẢ
CÁC CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP:
TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN NGÔN NGỮ HÀN QUỐC,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRẦN THỊ HẰNG***

TÓM TẮT: Việc áp dụng những chiến lược học tập hiệu quả có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học đại học của sinh viên. Giúp cho sinh viên đạt được thành tích học tập mong muốn và góp phần xây dựng, thực hiện một kế hoạch, mục tiêu học tập phù hợp với chính bản thân sinh viên. Nghiên cứu này đã thực hiện khảo sát trên 133 sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về mức độ sử dụng và hiệu quả của 10 chiến lược học tập bằng thang điểm Likert 10 điểm để xác định xem có sự khác biệt về mức độ sử dụng và hiệu quả của từng chiến lược học tập hay không, đồng thời xác định sinh viên có ảo tưởng về năng lực trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt và hiện tượng ảo tưởng năng lực trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của từng chiến lược học tập. Sinh viên chưa nhận thức một cách có hệ thống về các chiến lược học tập, chưa áp dụng và phát huy những chiến lược học tập hiệu quả trong quá trình học. Nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin hữu ích về hệ thống chiến lược học tập hiệu quả cao đã được tổng hợp và minh chứng thông qua nhiều nghiên cứu trên lĩnh vực tâm lý học và giáo dục học, đặt nền móng cho việc xây dựng năng lực học tập tự chủ của sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn nói riêng.

TỪ KHÓA: Chiến lược học tập; ảo tưởng năng lực; mức độ sử dụng; mức độ hiệu quả; học tập tự chủ; sinh viên ngôn ngữ Hàn Quốc.

NHẬN BÀI: 13/11/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/01/2025

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với sinh viên (SV), những người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch học tập của riêng mình. Tuy nhiên, bất kể SV lập kế hoạch học tập tốt đến đâu, cũng khó có thể đạt được kết quả mong muốn nếu không sử dụng các chiến lược học tập phù hợp. Do đó, SV cần nhận thức đầy đủ về các chiến lược học tập và có thể sử dụng chúng một cách hiệu quả. Nếu chọn sai chiến lược học tập, SV có thể gặp khó khăn trong quá trình học tập và làm giảm động lực học tập của mình, không thể đạt được kết quả học tập như mong muốn, và khó có thể thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của môi trường giáo dục đại học.

Trước hết, câu hỏi “dạy cái gì” là một nhiệm vụ thiết yếu đối với các nhà giáo dục và nó có tác động đáng kể đến thành tích học tập khi SV sử dụng và áp dụng các chiến lược học tập phù hợp trong quá trình học tập. SV cần có khả năng lựa chọn chiến lược học tập phù hợp và quản lý thời gian tốt thì khả năng đạt được thành tích học tập cao sẽ cao hơn. Khác với giáo dục phổ thông, SV phải tự lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch học tập của riêng mình. Môi trường học tập thế kỉ 21 đang thay đổi theo nhiều cách khác nhau trong một môi trường tự chủ vượt ra ngoài các tình huống giáo dục truyền thống. Đặc biệt, với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, SV có thể tham gia học tập với sự tự do lựa chọn và linh hoạt hơn. Vì vậy, khả năng SV biết cách quản lý việc học của mình là điều cần thiết để đạt được thành tích học tập cao. Khi mức độ yêu cầu trong học tập tăng lên, người ta mong đợi rằng SV sẽ có khả năng quản lý việc học của mình một cách hiệu quả thông qua trực giác rõ ràng và sự tự

*TS; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: hangtt89@hau.edu.vn

đánh giá, nhưng trên thực tế, nhiều SV gặp khó khăn trong việc đánh giá và quản lý quá trình học tập của chính mình. Ngoài ra, SV chưa có sự hiểu biết rõ ràng về cách cải thiện khả năng nắm bắt và chuyển giao trong hoạt động học tập cũng như thiếu kinh nghiệm và thông tin một cách có hệ thống về các chiến lược học tập.

Thành tích học tập có thể được dự đoán tùy thuộc vào cách sử dụng chiến lược học tập, vì vậy điều quan trọng là người học phải hiểu chính xác tính hiệu quả của chiến lược học tập của mình. Trên cơ sở đó, để đạt được mục tiêu kế hoạch học tập của mình, SV phải lựa chọn phương pháp học tập phù hợp trong quá trình học tập và xác định khoảng thời gian phù hợp để đầu tư cho việc học. Điều quan trọng giúp SV đánh giá chính xác khả năng thực hiện của mình.

Nghiên cứu này tìm hiểu SV ngôn ngữ Hàn Quốc (tiếng Hàn) tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) đánh giá mức độ sử dụng (MĐSD) và mức độ hiệu quả (MĐHQ) của các chiến lược học tập khác nhau đã được chứng minh trong các nghiên cứu hiện có như thế nào. Ngoài ra, chúng tôi tìm cách xác định liệu ảo tưởng về năng lực có xuất hiện trong đánh giá của SV về mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập của họ hay không. Các câu hỏi nghiên cứu như sau: 1/SV ngôn ngữ Hàn Quốc thường xuyên sử dụng chiến lược học tập nào?; 2/Có sự khác biệt trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả các chiến lược học tập của SV ngôn ngữ Hàn Quốc hay không?; 3/SV ngôn ngữ Hàn Quốc có ảo tưởng về năng lực đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập không?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Hệ thống chiến lược học tập theo tính hiệu quả

Cải thiện hiệu quả giáo dục đòi hỏi nỗ lực trong nhiều lĩnh vực, nhưng tiền đề cốt lõi là giúp SV điều chỉnh việc học của mình một cách hợp lý thông qua các chiến lược học tập hiệu quả. Có nhiều chiến lược học tập khác nhau, nhưng không phải tất cả các chiến lược đều hiệu quả như nhau trong việc cải thiện hiệu suất học tập.

Trong các chiến lược học tập khác nhau có hai cách tiếp cận để lựa chọn hệ thống chiến lược đáng chú ý:

Cách tiếp cận từ dưới lên: yêu cầu SV liệt kê tất cả các chiến lược học tập được sử dụng, sau đó xếp hạng chúng để chọn ra chiến lược sử dụng nhiều nhất.

Cách tiếp cận từ trên xuống: Thay vì dựa vào các chiến lược do SV tự chọn, lựa chọn các chiến lược đã được các nghiên cứu chứng minh tính hiệu quả của nó được phân loại bằng các tiêu chí cụ thể. Cách tiếp cận từ trên xuống đánh giá mức độ hiệu quả tương đối của từng chiến lược dựa trên nhiều nghiên cứu, cho phép so sánh giữa các chiến lược với nhau.

Nghiên cứu này sử dụng 10 chiến lược học tập tiêu biểu của Dunlosky và cộng sự (2013), giúp cải thiện trí nhớ và chuyển giao kiến thức, cùng với các chiến lược học tập tương đối dễ sử dụng có thể giúp SV đạt được mục tiêu học tập của mình. Theo nghiên cứu của Dunlosky và cộng sự (2013), các chiến lược học tập được đánh giá về tính hiệu quả dựa trên bốn tiêu chí: điều kiện học tập, đặc điểm của sinh viên, tài liệu và nhiệm vụ. Điều kiện học tập bao gồm bối cảnh học tập trong đó chiến lược được thực hiện, chẳng hạn như, SV học một mình hay học theo nhóm, và đặc điểm của SV bao gồm các biến số về độ tuổi, khả năng và kiến thức đã có. Tài liệu bao gồm các tài liệu về khái niệm đơn giản, toán học và khoa học phức tạp, cuối cùng nhiệm vụ bao gồm nhiều thước đo kết quả khác nhau liên quan đến thành tích của SV như trí nhớ, giải quyết vấn đề và khả năng hiểu.

Bảng 1. Hệ thống các chiến lược học tập được xếp hạng theo mức độ hiệu quả

Mức độ hiệu quả	Chiến lược học tập	Đặc điểm người học	Tài liệu học tập	Nhiệm vụ	Tính hiện thực	Môi trường học tập
Cao	Thực hành kiểm tra	E/LOE	E	E	E	E

	Thực hành phân tán	E/LOE	E	E/LOE	E	E/LOE
Trung	Tìm hiểu chi tiết	E/LOE	E	E/LOE	E	LOE
	Tự giải thích	E/LOE	E	E/LOE	E	PE
	Thực hành xen kẽ	LOE	PE	E/LOE	PE	E/LOE
Thấp	Tóm tắt	E/LOE	E/LOE	PE	PE	LOE
	Đánh dấu/ gạch chân	PE	PE	PE/LOE	E	INE
	Ghi nhớ từ khóa	PE	PE	PE/LOE	LOE	PE/LOE
	Kỹ thuật hình ảnh	PE	PE	PE	PE/LOE	LOE
	Đọc đi đọc lại	LOE	E	PE/LOE	E	LOE

Ghi chú:

E: (Effective) nhiều nghiên cứu chứng minh hiệu quả tích cực.

INE: (Ineffective) hầu hết các nghiên cứu chỉ ra chưa hiệu quả.

PE: (Part of effective) chỉ có hiệu quả trong những điều kiện đặc biệt.

LOE: (Lack of effective) bằng chứng về hiệu quả không được cung cấp đầy đủ.

Theo đánh giá tính hiệu quả của các chiến lược học tập do Dunlosky và cộng sự (2013) trình bày, các chiến lược học tập có tính hữu ích “cao” bao gồm thực hành kiểm tra (Practice testing) và thực hành phân tán (Distributed practice). Hai chiến lược này mang lại hiệu quả cao cho quá trình học tập của SV và đã được chứng minh là có hiệu quả cao trong việc cải thiện kết quả học tập của sinh viên qua nhiều nhiệm vụ và bối cảnh giáo dục.

Các chiến lược được phân loại là hiệu quả “trung bình” bao gồm tìm hiểu chi tiết (Elaborative interrogation), tự giải thích (Self - explanation) và thực hành xen kẽ (Interleaved practice). Mặc dù các chiến lược này cho thấy tác động tích cực đối với một số biến số, nhưng bằng chứng về tính hiệu quả của chúng còn hạn chế và do đó chúng không được đánh giá cao bằng các chiến lược học tập hiệu quả. Tuy nhiên, những chiến lược này vẫn có thể có hiệu quả trong những bối cảnh nhất định.

Cuối cùng, các chiến lược học tập kém hiệu quả hơn bao gồm tóm tắt (Summarization), đánh dấu/ gạch chân (Highlighting/underlining), ghi nhớ từ khóa (Keyword mnemonic), kỹ thuật hình ảnh (Imagery for text) và đọc đi đọc lại (Rereading). Các chiến lược này được đánh giá là kém hiệu quả vì nhiều lý do. Ví dụ, tóm tắt và kỹ thuật hình ảnh có thể giúp SV thực hiện một số nhiệm vụ, nhưng các điều kiện mà chúng có lợi là hạn chế và cần nghiên cứu thêm để khám phá đầy đủ hiệu quả tổng thể của chúng. Các chiến lược ghi nhớ khó triển khai trong một số bối cảnh học tập nhất định và có thể hiệu quả với lượng tài liệu hạn chế và thời gian ghi nhớ ngắn, nhưng hiệu quả của chúng không rõ ràng trong phạm vi bối cảnh rộng hơn.

Đặc biệt, các chiến lược học tập được nhiều SV ưa thích như đọc đi đọc lại và đánh dấu/ gạch chân, nhìn chung chưa được chứng minh một cách nhất quán là có thể cải thiện hiệu quả học tập của SV. Vì vậy, cần phải lựa chọn và áp dụng các chiến lược học tập hiệu quả hơn thay vì các chiến lược học tập ưa thích này của SV.

2.2. Ảo tưởng năng lực trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của chiến lược học tập

SV có thể sử dụng nhiều chiến lược học tập khác nhau để học một môn học, nhưng không phải tất cả các chiến lược học tập đều có tác dụng tương tự đối với việc cải thiện trí nhớ và ghi nhớ ngắn hạn cũng như dài hạn. Thực tế này đã được chứng minh qua các nghiên cứu trước đây, những tác động khác biệt của các chiến lược học tập đối với trí nhớ và ghi nhớ ngắn hạn, dài hạn.

Ảo tưởng về năng lực đề cập đến những trường hợp SV nghĩ rằng mình đã nắm vững những kiến thức hoặc kỹ năng nhất định nhưng thực tế thì không phải vậy. Dunning (2003) chỉ ra rằng: “Mọi người không giỏi trong việc phát hiện ra giới hạn kiến thức và chuyên môn của mình”. Đối với chiến lược học tập cũng vậy, SV luôn nghĩ rằng bản thân nắm vững toàn bộ kiến thức về chiến lược học tập hiệu quả, và thường xuyên sử dụng những chiến lược đó trong quá trình học tập. Đồng thời, SV có xu hướng đánh giá quá cao kết quả bài kiểm tra trong tương lai nhưng thực tế rất thấp. Những chiến lược học tập mà SV thường xuyên sử dụng được các nhà nghiên cứu chứng minh rằng có hiệu quả rất thấp trong việc cải thiện khả năng ghi nhớ và duy trì trí nhớ trong dài hạn.

Trong nghiên cứu này, căn cứ theo bảng xếp hạng về mức độ hiệu quả của 10 chiến lược học tập trong nghiên cứu của Dunlosky (bảng 1), chúng tôi xác định hiện tượng ảo tưởng năng lực đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của 10 chiến lược học tập như sau: Một là, SV đánh giá quá cao mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập có hiệu quả thấp; Hai là, SV luôn đánh giá cao mức độ hiệu quả của tất cả các chiến lược học tập, đặc biệt là những chiến lược học tập có hiệu quả càng thấp được đánh giá càng cao. Trong nghiên cứu của Anthenien và cộng sự (2017), kết quả xếp hạng tần suất SV và các bạn cùng lớp sử dụng 10 chiến lược học tập khi học và mức độ sử dụng từng chiến lược học tập trong 30 ngày qua thang đo 7 điểm cho thấy, SV thường xuyên sử dụng những chiến lược học tập có hiệu quả thấp.

Thực tế, SV không biết về các chiến lược học tập hiệu quả và thường sử dụng các chiến lược học tập không hiệu quả trong quá trình học tập. Hiện tượng này được quan sát phổ biến không chỉ ở SV phương Tây mà còn ở SV Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam. SV thường xuyên sử dụng các chiến lược học tập không hiệu quả như đánh dấu/ gạch chân và tóm tắt; ngược lại, SV không sử dụng các chiến lược học tập có hiệu quả cao như thực hành kiểm tra và thực hành phân tán. Ngoài ra, SV có xu hướng coi các chiến lược học tập quen thuộc mà họ thường xuyên sử dụng là hiệu quả, hoặc không sử dụng các chiến lược học tập hiệu quả mặc dù họ nhận thức được các chiến lược học tập đó là chiến lược có hiệu quả cao.

Hàn Quốc - nơi sự cạnh tranh khốc liệt của kì thi tuyển sinh đại học hàng năm - không chỉ SV mà cả học sinh trung học cũng cần có tính tự chủ trong học đại, chính vì vậy, họ đã hình thành ý thức rất cao trong việc tự học. Tuy nhiên, nghiên cứu của Kang E Cheol chỉ ra rằng: học sinh trung học thường xuyên sử dụng các chiến lược học tập hiệu quả thấp như đánh dấu, tóm tắt và ghi nhớ từ khóa. Trong một nghiên cứu khác, với 93 học sinh trung học phổ thông và 98 sinh viên tại Đại học K- Hàn Quốc về thứ tự sử dụng và hiệu quả của 10 chiến lược học tập được đánh giá với kết quả tương tự.

Tại Trung Quốc, kết quả nghiên cứu cho thấy, các chiến lược học tập ít hiệu quả nhất được sử dụng nhiều nhất và cũng được SV đánh giá là những chiến lược hiệu quả nhất. Tuy nhiên, có số lượng không ít SV nhận thức đúng về hiệu quả của các chiến lược học tập nhưng MĐSD sử dụng của họ chưa tương xứng với MĐHQ của chiến lược đó.

Tại Việt Nam, kết quả xếp hạng thứ tự sử dụng và hiệu quả của 10 chiến lược học tập của 418 SV đại học như sau: SV Việt Nam tin rằng chiến lược mà họ đang sử dụng là chiến lược học tập hiệu quả nhất, nhưng thực tế đó lại là những chiến lược học tập không hiệu quả.

Điều này cho thấy, SV có hiện tượng ảo tưởng về năng lực đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập diễn ra phổ biến không chỉ đối với SV phương Đông như: Việt Nam, Hàn Quốc, Trung Quốc và SV phương Tây.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 135 SV tiếng Hàn tại Trường ĐHCNHN. Kết quả được tổng hợp từ 133 SV (đã loại trừ 02 SV không trả lời bảng câu hỏi đúng thời hạn hoặc đã có dữ liệu trả lời không đầy đủ) tham gia khảo sát trực tuyến trên công cụ google form.

3.2. Tiến trình nghiên cứu

Khảo sát được tiến hành sau khi SV tiếng Hàn được nghe giải thích về 10 chiến lược học tập trong bảng khảo sát vào học kì 2 năm học 2023-2024. Câu hỏi khảo sát bao gồm những giải thích cơ bản về 10 chiến lược học tập nhưng không cung cấp thông tin về mức độ hiệu quả của từng chiến lược học tập.

Để xác định mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của 10 chiến lược học tập trong quá trình học của SV tiếng Hàn, khảo sát sử dụng 10 chiến lược học tập được cung cấp trong nghiên cứu của Dunlosky thông qua hình thức trực tuyến google form. Để đảm bảo yếu tố khách quan hơn, tránh tình trạng tập trung vào điểm trung gian khi đưa ra đánh giá, khảo sát sử dụng thang đo Likert 10 điểm.

Câu hỏi khảo sát tập trung vào 2 nội dung chính: một là, câu hỏi về các chiến lược học tập đang được sử dụng nhiều nhất của SV; hai là, câu hỏi đánh giá về mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của từng chiến lược học tập.

3.3. Phương pháp phân tích

Trước khi phân tích sự khác biệt mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của từng chiến lược học tập, nghiên cứu sử dụng thang đo Cronbach's α để đo lường độ tin cậy của hai biến mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả. Mức độ sử dụng được xác nhận có giá trị Cronbach's α là .86 và độ tin cậy về mức độ hiệu quả được xác nhận có giá trị Cronbach's α là .85.

Nghiên cứu sử dụng phần mềm thống kê SPSS tính chỉ số t - Test để kiểm tra sự khác biệt giữa MĐSD và MĐHQ của từng chiến lược học tập, tính giá trị d của Cohen để kiểm tra kích thước của sự khác biệt trung bình theo từng chiến lược học tập.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chiến lược học tập thường xuyên sử dụng của sinh viên ngôn ngữ Hàn Quốc (tiếng Hàn), Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

SV tiếng Hàn Trường ĐHCNHN sử dụng nhiều nhất chiến lược đọc đi đọc lại nội dung bài viết, giáo trình, hay ghi chú. Tiếp đó đánh dấu/ gạch chân những nội dung quan trọng khi học và chiến lược chép lại những nội dung đã đánh dấu/ ghi trong note (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả về chiến lược học tập thường xuyên sử dụng của SV

Chiến lược học tập	Tổng	Sinh viên năm 3	Sinh viên năm 2	Sinh viên năm nhất
Chép lại nội dung đã đánh dấu/ghi trong note.	73(100)	17(23.3)	16(21.9)	40(54.8)
Đọc đi đọc lại bài viết, giáo trình, ghi chú	97(100)	27(27.8)	24(24.7)	46(47.4)
Tự giải quyết bài tập thực hành	32(100)	6(18.8)	10(31.8)	16(50.0)
Sử dụng thẻ flash	41(100)	11(26.8)	10(24.4)	20(48.8)
Làm đề cương	47(100)	12(25.5)	17(36.2)	18(38.3)
Đánh dấu, gạch chân nội dung bằng mực khác khi học	78(100)	24(30.8)	16(20.5)	38(48.7)
Vẽ biểu đồ/ hình ảnh minh họa kiến thức	3(100)	3(100)	0	0
Học theo nhóm	38(100)	11(28.9)	7(18.4)	20(52.6)

Ôn tập một lần trước khi thi	52(100)	17(32.7)	16(30.8)	19(36.5)
Đặt câu hỏi/ tham gia tích cực trong giờ học	16(100)	2(12.5)	3(18.8)	11(68.8)

SV năm thứ 3: chiến lược học tập được SV lựa chọn thường xuyên sử dụng như sau: chiến lược đọc đi đọc lại nội dung bài viết, giáo trình, hay ghi chú (27 SV), chiến lược đánh dấu/ gạch chân (24 SV), và 17 SV chọn chiến lược chép lại những nội dung đã đánh dấu/ ghi trong note (17 SV) và ôn tập một lần trước ngày thi (17SV).

SV năm thứ 2: chiến lược đọc đi đọc lại nội dung bài viết, giáo trình, hay ghi chú (24 SV), chiến lược làm đề cương (24 SV), đánh dấu/ gạch chân (16) và ôn tập một lần trước ngày thi (16 SV).

SV năm thứ nhất: đọc đi đọc lại nội dung bài viết, giáo trình, hay ghi chú (46 SV), đánh dấu/ gạch chân (38), và chiến lược chép lại những nội dung đã đánh dấu/ ghi trong note (40 SV).

Nhân xét chung: SV thường xuyên sử dụng những chiến lược học tập kém hiệu quả trong quá trình học tập. Sinh viên năm thứ 2 không có nhiều sự chênh lệch trong việc sử dụng các chiến lược học tập, nhưng SV năm thứ nhất và năm thứ 3 có sự chênh lệch nhất định trong việc sử dụng các chiến lược học tập.

3.2. Đánh giá về mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập

Đối với thực hành kiểm tra và thực hành phân tán - chiến lược học tập “hiệu quả cao”, kết quả kiểm định t - test sự khác biệt giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả được đánh giá là có ý nghĩa thống kê và mức độ hiệu quả được đánh giá cao hơn mức độ sử dụng (Bảng 3). Đặc biệt, kích thước sự khác biệt trung bình của thực hành kiểm tra ($d=.82$) và thực hành phân tán ($d=1.06$) là rất lớn.

Bảng 3. Đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả các chiến lược học tập

Hiệu quả	Chiến lược học tập	Mã hóa chiến lược	MĐSD		MĐHQ		<i>t</i>	<i>d</i>
			<i>M</i>	<i>SD</i>	<i>M</i>	<i>SD</i>		
Cao	Thực hành kiểm tra	①	4.9	2.4	6.8	2.2	-6.3***	0.82
	Thực hành phân tán	②	4.8	2.5	7.3	2.2	-8.2***	1.06
Trung	Tìm hiểu chi tiết	③	4.2	2.3	6.7	2.1	-8.7***	1.13
	Tự giải thích	④	5.4	2.3	6.9	2.0	-6.1***	0.69
	Thực hành xen kẽ	⑤	4.2	2.5	6.4	2.6	-6.9***	0.86
Thấp	Tóm tắt	⑥	5.7	2.2	7.4	1.9	-6.4***	0.83
	Đánh dấu/ gạch chân	⑦	7.5	2.4	7.6	2.0	-.3	0.04
	Ghi nhớ từ khóa	⑧	5.2	2.7	6.7	2.3	-4.6***	0.50
	Kỹ thuật hình ảnh	⑨	6.3	2.4	7.4	2.0	-4.7***	0.49
	Đọc đi đọc lại	⑩	5.9	2.4	7.5	2.0	-5.8***	0.72

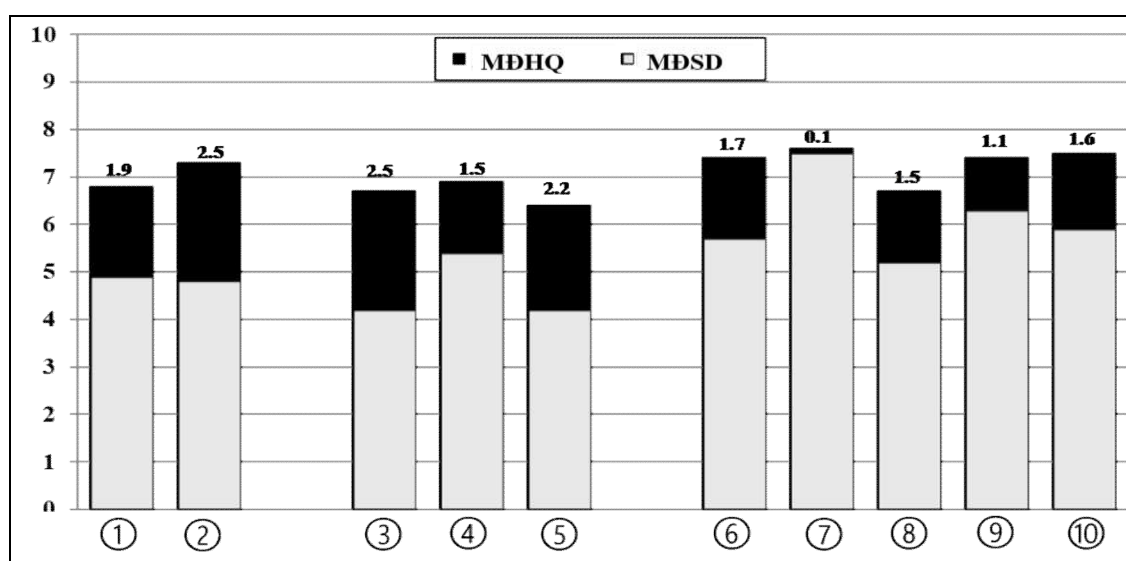
*** $p < .001$

Ngay cả chiến lược học tập có mức độ hiệu quả “trung bình”, tất cả các chiến lược đều cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả, và hiệu quả được đánh giá cao hơn mức độ sử dụng. Tuy nhiên, kích thước sự khác biệt trung bình của chiến lược học tập tự giải thích là

ở mức trung bình ($d=.69$), chiến lược học tập tìm hiểu chi tiết là rất lớn ($d=1.13$) và chiến lược thực hành xen kẽ được ghi nhận với kích thước sự khác biệt lớn ($d=.82$).

Các chiến lược học tập hiệu quả "thấp" có thể được chia thành hai loại chính. Thứ nhất, có tóm tắt, ghi nhớ từ khóa, kỹ thuật hình ảnh, đọc lặp đi lặp lại là chiến lược được đánh giá mức độ hiệu quả cao hơn mức độ sử dụng và sự khác biệt này đều có ý nghĩa thống kê. Thứ hai, nhấn mạnh/ gạch dưới hầu như không có sự khác biệt giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả. Về kích thước sự khác biệt trung bình của từng chiến lược: Các chiến lược ghi nhớ từ khóa, kỹ thuật hình ảnh, đọc lặp lại kích thước chênh lệch trung bình, lần lượt là $d=.5$, $d=.49$ và $d=.72$ và chiến lược tóm tắt là $d=.83$, cho thấy kích thước của sự khác biệt lớn.

Kết quả cho thấy, SV đánh giá MĐHQ cao hơn MĐSD đối với tất cả các chiến lược học tập, ngoại trừ chiến lược đánh dấu/ gạch chân. Chiến lược đánh dấu/ gạch chân - chiến lược được xếp hạng có mức độ hiệu quả thấp - là chiến lược có mức độ sử dụng cao nhất và cũng là chiến lược được sinh viên đánh giá có hiệu quả nhất.



Hình 1. Đánh giá của SV về mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả theo từng chiến lược học tập

Kết luận, có sự khác biệt đáng kể trong đánh giá về mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập, trừ chiến lược đánh dấu/ gạch chân.

4.3. Hiện tượng ảo tưởng về năng lực trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của chiến lược học tập

Kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả từng chiến lược học tập, SV có xu hướng đánh giá mức độ sử dụng cao hơn mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập mà không xem xét đến tính hiệu quả của các chiến lược học tập. Điều này cho thấy SV đang thiếu kiến thức, thiếu thông tin về hệ thống các chiến lược học tập hiệu quả.

Mặc dù thực hành kiểm tra và thực hành phân tán - những chiến lược học tập "hiệu quả", được đánh giá, chứng minh có hiệu quả cao cải thiện thành tích học tập của SV, có tác dụng tích cực cải thiện khả năng ghi nhớ trong bộ nhớ dài hạn - nhưng trên thực tế, việc sử dụng lại không tương xứng với hiệu quả của chúng. Mặt khác, các chiến lược học tập có mức độ hiệu quả "thấp" được SV đánh giá có hiệu quả cao. Do đó, SV thường xuyên lựa chọn sử dụng các chiến lược này.

Theo *Bảng 3*, các chiến lược học tập có mức độ hiệu quả "thấp" được SV đánh giá có mức độ hiệu quả cao hơn so với mức độ sử dụng, đồng thời, có sự khác biệt đáng kể giữa mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của các chiến lược này. Tuy nhiên, chiến lược đánh dấu/ gạch chân là một ngoại lệ. Sinh viên cho rằng đây là chiến lược học tập hiệu quả nhất nên họ thường xuyên sử dụng trong quá trình học tập. Thực tế, đây là chiến lược học tập được xếp hạng trong nhóm có hiệu quả thấp, và hiệu

quả của chiến lược này cũng chưa được chứng minh. Nói cách khác, SV nhìn chung thiếu kiến thức về hệ thống các chiến lược học tập hiệu quả, SV có ảo tưởng trong đánh giá mức độ sử dụng và mức độ hiệu quả của tất cả các chiến lược học tập. Đồng thời, sinh viên coi chiến lược mình sử dụng nhiều nhất là chiến lược hiệu quả nhất. Chính vì vậy, SV cũng có hiện tượng ảo tưởng năng lực đánh giá MĐSD và MĐHQ của các chiến lược học tập. Hiện tượng này sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình học tập của sinh viên trong đánh giá năng lực học tập của bản thân, SV không thể quản lý tốt thời gian đầu tư cho việc học, thậm chí sau khi tốt nghiệp, SV cũng không có được khả năng nắm bắt cơ hội để phát triển vì đánh giá năng lực bản thân chưa chính xác.

5. Kết luận và khuyến nghị

Từ kết quả khảo sát có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, SV thường xuyên sử dụng các chiến lược học tập như đọc lại sách giáo khoa, bài viết, ghi chú và các chiến lược học tập không hiệu quả như gạch chân, đánh dấu hoặc sao chép ghi chú trong khi đọc. SV thường xuyên sử dụng chiến lược học tập có hiệu quả thấp như: thực hành tập trung (massed practice) thay vì sử dụng chiến lược hiệu quả hơn như chiến lược thực hành phân tán (distributed practice). Bởi các chiến lược học tập này thường dễ sử dụng và không đòi hỏi nhiều nỗ lực. Chính vì vậy, nhà giáo dục cần đề xuất chiến lược học tập có hiệu quả cao, đảm bảo SV có thể áp dụng trong quá trình học tập, giúp SV đánh giá đúng năng lực của bản thân, đầu tư thời gian học tập hợp lý và dự đoán được chính xác thành tích của bản thân - một năng lực rất quan trọng khi sinh viên hòa nhập vào môi trường xã hội, giúp SV nắm bắt được cơ hội đến với bản thân. Đồng thời, cần giúp SV nhận thức rõ được các chiến lược mà SV đang sử dụng không có hiệu quả trong quá trình học. Cụ thể, chiến lược đọc đi đọc lại khiến SV nhầm lẫn với hiện tượng ảo tưởng về sự trôi chảy (illusion of fluency), hay chiến lược học tập một lần trước khi thi sẽ không giúp ích cho SV sự việc khắc phục được đường cong quên lãng (the forgetting curve) đã được Ebbinghaus chỉ ra sau khi thu thập rất nhiều dữ liệu từ rất nhiều nghiên cứu học tập khác nhau.

Thứ hai, khi đánh giá MĐSD và MĐHQ của từng chiến lược học tập, có sự khác biệt đáng kể trong tất cả các chiến lược học tập ngoại trừ chiến lược học tập đánh dấu/ gạch chân. Điều này cho thấy SV thiếu kiến thức hoặc thông tin có hệ thống về chiến lược học tập và chưa nắm bắt được mức độ hiệu quả của các chiến lược học tập. Vì vậy, các nhà giáo dục phải khuyến khích SV sử dụng các chiến lược học tập hiệu quả hơn, đồng thời đưa ra các giải pháp để ứng dụng một cách thích hợp các chiến lược học tập hiệu quả trong quá trình giảng dạy - chiến lược thực hành kiểm tra, thực hành phân tán, giúp SV nỗ lực sử dụng các chiến lược học tập hiệu quả cao trong quá trình học tập, nhằm nâng cao năng lực tự chủ trong quá trình học tập của chính bản thân.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu cho thấy, SV có hiện tượng ảo tưởng năng lực trong đánh giá mức độ sử dụng và hiệu quả của các chiến lược học tập. Sinh viên đánh giá quá cao tính hiệu quả của các chiến lược học tập hiệu quả thấp và thường xuyên sử dụng các chiến lược này trong quá trình học của bản thân, đồng thời, SV đánh giá cao tính hiệu quả của tất cả các chiến lược học tập mà không xem xét đến tính hiệu quả đã được chứng minh của chiến lược này. Vì vậy, nhà giáo dục cần đưa ra những hướng dẫn giúp SV sử dụng các chiến lược học tập hiệu quả cao, ứng dụng thường xuyên trong quá trình học. Đồng thời, chiến lược học tập hiệu quả cao đã được chứng minh có thể giảm thiểu “đường cong quên lãng” mà Ebbinghaus đã phát hiện đối với chức năng não bộ. Do vậy, giảng viên cũng cần nghiên cứu và áp dụng ưu điểm của những chiến lược này để giúp sinh viên có thể khắc phục “đường cong quên lãng” - một trong những nhiệm vụ đối với người học ngôn ngữ.

Cuối cùng, nghiên cứu đã cung cấp hệ thống chiến lược học tập hiệu quả, để cụ thể hóa việc áp dụng những chiến lược học tập có hiệu quả cao như thực hành kiểm tra, và thực hành phân tán trong giảng dạy và đề xuất những giải pháp phù hợp giúp SV sử dụng chiến lược đó trong quá trình học tập là một trong những nhiệm vụ đặt ra cho những nghiên cứu sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 강이철 (2017), 시험치기 학습전략의 이론적 근거와 활용 실태. *사고개발*, 13(4), 41-66.
2. 석보영, 강이철 (2019a), 학습판단에 반영된 역량의 착각현상 분석. *사고개발*, 15(2), 27-48.
3. 송용관, 정민혜, & 박진훈. (2007), 인문, 사회과학편: 연습시간의 배분에 따른 양팔협응 패턴의 안정성과 학습의 효과. *한국체육학회지*, 46(6), 191-203.
4. 정민혜, 송용관, & 박진훈. (2007), 집중연습과 분산연습이 순차적 타이밍과제의 학습 및 효과기 전이에 미치는 영향. *한국스포츠심리학회지*, 18(3), 193-213.
5. 째티항, 석보영, 강이철. (2021), 베트남 대학생의 학습역량 착각현상 분석. *고개발*, 17(3), 105-129.
6. Anthenien, A. M., DeLozier, S. J., Neighbors, C., & Rhodes, M. G. (2018), College student normative misperceptions of peer study habit use. *Social Psychology of Education*, 21, 303-322.
7. Carpenter, S. K., Witherby, A. E., & Tauber, S. K. (2020), On students' (mis) judgments of learning and teaching effectiveness. *Journal of Applied research in Memory and cognition*, 9(2), 137-151.
8. Credé, M., & Kuncel, N. R. (2008), Study habits, skills, and attitudes: The third pillar supporting collegiate academic performance. *Perspectives on psychological science*, 3(6), 425-453.
9. Eason, S. H., Goldberg, L. F., Young, K. M., Geist, M. C., & Cutting, L. E. (2012), Reader-text interactions: How differential text and question types influence cognitive skills needed for reading comprehension. *Journal of educational psychology*, 104(3), 515.
10. Ebbinghaus, H. (1985). Remembering Ebbinghaus. *Contemporary Psychology*, 30(7), 519-523.
11. Deslauriers, L., McCarty, L. S., Miller, K., Callaghan, K., & Kestin, G. (2019), Measuring actual learning versus feeling of learning in response to being actively engaged in the classroom. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 116(39), 19251-19257.
12. Dunlosky, J., Rawson, K. A., Marsh, E. J., Nathan, M. J., & Willingham, D. T. (2013), Improving students' learning with effective learning techniques: Promising directions from cognitive and educational psychology. *Psychological Science in the Public interest*, 14(1), 4-58.
13. Dunning, D., Johnson, K., Ehrlinger, J., & Kruger, J. (2003), Why people fail to recognize their own incompetence. *Current directions in psychological science*, 12(3), 83-87.
14. Hartwig, M. K., & Dunlosky, J. (2012), Study strategies of college students: Are self-testing and scheduling related to achievement?. *Psychonomic bulletin & review*, 19, 126-134.
15. Kaipa, R., Howard, B., Kaipa, R., Turcat, E., & Prema, L. (2020), Role of massed versus distributed practice in learning novel foreign language utterances. *Motor Control*, 24(1), 17-38.
16. McAndrew, M., Morrow, C. S., Atiyeh, L., & Pierre, G. C. (2016), Dental student study strategies: are self-testing and scheduling related to academic performance?. *Journal of dental education*, 80(5), 542-552.
17. Rowland, C. A. (2014), The effect of testing versus restudy on retention: a meta-analytic review of the testing effect. *Psychological bulletin*, 140(6), 1432.
18. Yan, V. X., Thai, K. P., & Bjork, R. A. (2014), Habits and beliefs that guide self-regulated learning: Do they vary with mindset?. *Journal of Applied Research in Memory and Cognition*, 3(3), 140-152.

**Analysis illusion of competence in assessing the level of use and effectiveness
of learning strategies: focusing mainly on Korean language students
at Hanoi Industry of University**

Abstract: The application of effective learning strategies plays a crucial role in the university learning process of students. It helps students achieve their desired academic performance and contributes to the development and implementation of a suitable study plan and goals. This study conducted a survey of 133 students majoring in Korean at Hanoi University of Industry regarding the level of use and effectiveness of 10 learning strategies using a 10-point Likert scale to determine whether there are differences in the level of use and effectiveness of each learning strategy, while also assessing whether students have an illusion of competence in evaluating the level of use and effectiveness of the learning strategies. The research results show that there are differences and an illusion of competence in evaluating the level of use and effectiveness of each learning strategy. Students have not systematically recognized the learning strategies and have not applied and utilized effective learning strategies in their studies. This study will provide useful information about a system of highly effective learning strategies that have been compiled and evidenced through many studies in the fields of psychology and education, laying the foundation for building the self-directed learning competence of students majoring in Korean in particular.

Key words: Learning strategies; illusion of competence; degree of use; degree of effectiveness; self-directed learning; Korean language students.